

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG  
Bản án số: 27/2024/DS-ST  
Ngày 28/6/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ông **Trần Minh S**, sinh năm 1989; địa chỉ: **Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương**; địa chỉ liên hệ: **Số A, đường H, khu phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương**;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1984; địa chỉ: **Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương**. Văn bản ủy quyền ngày 28/9/2023. Có đơn xin vắng mặt.

*- Bị đơn:* Bà **Trần Hồng N**, sinh năm 1983; ông **Hồ Văn M**, sinh năm 1973 và bà **Hồ Thị Hồng G**, sinh năm 2003; cùng địa chỉ: **Ấp F, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương**. Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kim T** trình bày:* Do ông **S** có quen biết, nên khi vợ chồng bà **Trần Hồng N**, ông **Hồ Văn M** và con đẻ là bà **Hồ Thị Hồng G** hỏi vay tiền của ông **S** để bổ sung vốn làm ăn kinh tế gia đình nên ông **S** cũng tin tưởng cho vay tiền nhiều lần tổng cộng số tiền là 850.000.000đ, trong đó: Ngày 22/02/2023, bà **N** vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn thanh toán là 01 tháng. Ngày 09/3/2023, bà **N** và ông **M** vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn thanh toán là 01 tháng. Ngày 02/4/2023, bà **N** và bà **G** vay số tiền 100.000.000đ,

thời hạn thanh toán là 01 tháng. Ngày 09/4/2023, bà N, bà G vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn thanh toán là 01 tháng. Ngày 11/4/2023, bà N, bà G vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn thanh toán là 01 tháng. Ngày 18/4/2023, bà N, bà G vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn thanh toán là 01 tháng. Ngày 28/6/2023, bà N vay số tiền 300.000.000đ, thời hạn thanh toán là ngày 05/7/2023. Hết thời hạn nói trên, ông S đã yêu cầu bà N, ông M và bà G nhiều lần nhưng bà N, ông M và bà G né tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông S. Sau khi chốt nợ thì hiện tại bà N, ông M và bà G còn nợ của ông S số tiền 300.000.000đ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà N, ông M và bà G liên đới thanh toán cho ông S số tiền 300.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.

- Tại bản tự khai bị đơn bà Trần Hồng N trình bày:

Vào ngày 22/02/2023, bà N có vay của ông S số tiền 50.000.000đ, có làm giấy vay tiền, bà N có ký tên, ghi họ tên vào giấy vay tiền; ngày 09/3/2023, bà N vay 50.000.000đ, ngày 02/4/2023 bà N vay 100.000.000đ, ngày 11/4/2023 100.000.000đ, ngày 18/4/2023 bà N vay 50.000.000đ. Đến ngày 28/6/2023 hai bên chốt lại thì bà N còn nợ của ông S số tiền là 300.000.000đ.

Theo đơn khởi kiện ông S yêu cầu Tòa án giải quyết 02 vấn đề là:

- Yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Hồng N và ông Hồ Văn M liên đới trả cho ông Trần Minh S số tiền 400.000.000đ.

- Yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Hồng N, ông Hồ Văn M và bà Hồ Thị Hồng G liên đới trả cho ông Trần Minh S số tiền 450.000.000đ.

Bà N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi chốt nợ thì bà N, ông M, bà G chỉ còn nợ của ông S số tiền 300.000.000đ nên bà N chỉ đồng ý liên đới cùng ông M và bà G thanh toán cho nguyên đơn số tiền 300.000.000đ.

- Tại bản tự khai bị đơn ông Hồ Văn M trình bày: Ông M thống nhất với lời trình bày của bị đơn bà Trần Hồng N, ông M đồng ý liên đới cùng bà N, bà G thanh toán cho ông S số tiền 300.000.000đ, không bổ sung gì thêm.

- Tại bản tự khai bị đơn bà Hồ Thị Hồng G trình bày: Bà G thống nhất với lời trình bày của bị đơn bà Trần Hồng N, bà G đồng ý liên đới cùng bà N, ông M thanh toán cho ông S số tiền 300.000.000đ, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà N, ông M và bà G có vay tiền của ông S, sau khi chốt nợ thì hiện tại bà N, ông M và bà G còn nợ của ông S số tiền 300.000.000đ, ông S yêu cầu Tòa án buộc bà N, ông M, bà G liên đới thanh toán cho ông S số tiền 300.000.000đ, không yêu cầu lãi suất. Bà N, ông M, bà G đồng ý liên đới thanh toán cho ông S số tiền 300.000.000đ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện

Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện bị đơn bà **N**, ông **M**, bà **G** cư trú tại **ấp F, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương** và nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 28/6/2023, bà **N**, ông **M** và bà **G** chốt lại còn nợ của ông **S** số tiền 300.000.000đ, thời hạn thanh toán là ngày 05/7/2023, ngày 29/9/2023 ông **S** nộp đơn khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kim T**, bị đơn bà **Trần Hồng N**, ông **Hồ Văn M** và bà **Hồ Thị Hồng G** có đơn xin vắng mặt căn cứ theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án: Ông **S** cho bà **N**, ông **M**, bà **G** vay tiền nhiều lần, các lần vay tiền có làm giấy vay tiền, giấy vay tiền là do bà **G** viết, ông **M** có ký tên trong giấy vay tiền ngày 09/3/2023, bà **N**, bà **G** có ký tên vào các giấy vay tiền ngày 22/02/2023, 09/3/2023, 02/4/2023, 11/4/2023, 18/4/2023, mỗi lần vay tiền đều có thỏa thuận thời hạn trả nên đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn. Sau khi chốt nợ thì đến thời điểm hiện tại bà **N**, ông **M**, bà **G** còn nợ của ông **S** số tiền 300.000.000đ, ông **S** yêu cầu Tòa án buộc bà **N**, ông **M**, bà **G** liên đới thanh toán cho ông **S** số tiền 300.000.000đ, không yêu cầu lãi suất, bà **N**, ông **M**, bà **G** đồng ý liên đới thanh toán cho ông **S** số tiền 300.000.000đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và có cơ sở chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92 và các Điều 147, 184, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Minh S** đối với bị

đơn bà **Trần Hồng N**, ông **Hồ Văn M**, bà **Hồ Thị Hồng G** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà **Trần Hồng N**, ông **Hồ Văn M**, bà **Hồ Thị Hồng G** phải liên đới thanh toán cho ông **Trần Minh S** số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ bản án có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

## 2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà **Trần Hồng N**, ông **Hồ Văn M**, bà **Hồ Thị Hồng G** phải liên đới nộp 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Ông **Trần Minh S** được hoàn trả 18.750.000đ (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005450 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Khoa**